TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TR** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **99**/2023/QĐST-HNGĐ	*Tr, ngày 07 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 2 Điều 396, khoản 4 Điều 397, khoản 2 Điều 149, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 665/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 6 năm 2023, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Ông Trần Văn B, sinh năm 1987.

HKTT: Thôn Hồ Lân, xã Tân Thắng, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

Trú tại: Tổ 3, ấp 1, xã S, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai.

2/ Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1990.

HKTT: Thôn Hồ Lân, xã Tân Thắng, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

Trú tại: Tổ 3, ấp 1, xã S, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị Kim C tự nguyện kết hôn với nhau, đã được Ủy ban nhân dân xã Tân Thắng, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 40 ngày 15 tháng 6 năm 2012 nên căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị Kim C xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tr công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 01 cháu Trần Văn Hòa H, sinh ngày 30/7/2013. Ly hôn chúng tôi thoả thuận giao con cho bà Chi trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời tôi cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/tháng.

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003176 ngày 26/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tr. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 29 tháng 6 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị Kim C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Văn Hòa H, sinh ngày 30/7/2013 cho bà Nguyễn Thị Kim C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, ông Trần Văn B cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trần Văn Hòa H, sinh ngày 30/7/2013 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Không ai được cản trở quyền thăm nom con chung của ông Trần Văn B.

Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003176 ngày 26/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tr. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Tr;
- THA dân sự huyện Tr;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Tuyền